

Số: /2019/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

b) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

2. Thông tư này không điều chỉnh: chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có

liên quan trong thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

1. Việc báo cáo phải đầy đủ, chính xác, khách quan, kịp thời, đúng hình thức, nội dung yêu cầu của từng loại báo cáo; đúng quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường và hướng dẫn tại Thông tư này. Người ký báo cáo phải đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan báo cáo.

2. Bảo đảm tính rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo, tính an toàn, an ninh thông tin và tính bảo mật theo quy định của pháp luật; bảo đảm khả năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Điều 4. Hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường được kết nối từ Trung ương đến địa phương để thực hiện báo cáo điện tử, phục vụ thuận lợi cho công tác xử lý, tổng hợp, kịp thời chia sẻ thông tin báo cáo, nâng cao hiệu quả và tiết kiệm thời gian, chi phí.

2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, của các Bộ, ngành, địa phương, gồm hai phân hệ: Phân hệ báo cáo ngành tài nguyên và môi trường và Phân hệ kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Chương II.

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 5. Yêu cầu báo cáo

1. Báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, báo cáo có thể chỉ có phần lời văn hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

Điều 6. Nội dung báo cáo

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo đề cương quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường hàng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện theo đề cương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Thời gian chốt số liệu trong báo cáo

Thời gian chốt số liệu trong báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 8. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Báo cáo được thực hiện bằng 1 trong 2 hình thức sau đây:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử, có sử dụng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Báo cáo được gửi tới nơi nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau đây:

a) Gửi/nhận trực tiếp;

b) Gửi/nhận qua dịch vụ bưu chính;

c) Gửi/nhận qua fax;

d) Gửi/nhận qua hệ thống thư điện tử;

e) Gửi/nhận bằng các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

g) Cập nhật qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

h) Cập nhật qua Hệ thống phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Báo cáo theo quy định tại Điều 6 Thông tư này về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

b) Số liệu trong báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này được cập nhật và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm sau. Báo cáo định kỳ được cập nhật có thể thay thế các báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, VP(TH), PC.

 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

PHỤ LỤC I
MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM ÁP DỤNG ĐỐI
VỚI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BTNMT ngày tháng năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm
(năm đang thực hiện) và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm (năm liền kề)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUNG

1. Xây dựng và phổ biến chính sách, pháp luật

- Ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản QPPL theo thẩm quyền và phân cấp (*kết quả cụ thể theo từng lĩnh vực*).

- Theo dõi, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

(*Kèm theo biểu số 01, 02*)

2. Công tác tổ chức cán bộ

Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Ngành TNMT cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính

- Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến các mức độ.

- Kết quả giải quyết TTHC.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực.

- Kết quả công tác tiếp nhận, xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng.

(*Kèm theo biểu số 03*)